

Số: 1872/QĐ-ĐHSPNTTW

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TW

Căn cứ Quyết định số 117/2006/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng Trường ĐHSP Nghệ thuật TW về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ biên bản cuộc họp về Quy chế đào tạo Thạc sĩ ngày 26 tháng 10 năm 2021;

Theo đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; áp dụng đối với các khóa trúng tuyển từ thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành và thay thế Quyết định số 53/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 06 tháng 01 năm 2015 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐHSP nghệ thuật TW.

Điều 3. Trường các đơn vị: Khoa Sau đại học, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, K.SDH (40).

HIỆU TRƯỞNG

Đào Đăng Phụng

QUY ĐỊNH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1872/ĐHSPNT TW ngày 17 tháng 1 năm 2021
của Trường DHSP Nghệ thuật TW)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ, cấp bằng thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương (Sau đây gọi tắt là Nhà trường).

2. Quy định này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình ở trình độ thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng (bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ do Nhà trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng. Đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chương trình đào tạo được thực hiện để cấp bằng thạc sĩ theo Quy định này, không cấp thêm một văn bằng đại học khác.

3. Chương trình đào tạo được áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau.

4. Chương trình đào tạo phải quy định:

a) Danh mục ngành phù hợp đối với người học đã tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên);

b) Những ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra; yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng

một ngôn ngữ.

5. Chương trình đào tạo phải bao gồm những nội dung bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài phải tuân thủ các quy định do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

7. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố cho học viên trước khi áp dụng.

Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

2. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy đối với mỗi hình thức đào tạo thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Đào tạo chính quy: Tùy theo tình hình thực tế, Hiệu trưởng quy định thời gian những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo.

b) Đào tạo vừa làm vừa học: Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

3. Đối với mỗi hình thức đào tạo, Nhà trường cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

a) Thời gian đào tạo tùy theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo.

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn ít nhất 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo;

c) Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học tùy theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo nhưng không vượt quá 2 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

Điều 4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và các điều kiện khác do Nhà trường quy định có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

3. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ;

b) Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

c) Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

4. Các quy định cụ thể về điều kiện quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ như sau:

a) Cách tính điểm công nhận chuyển đổi

Điểm công nhận chuyển đổi được tính điểm theo thang điểm 10, được quy đổi theo thang điểm chữ và thang điểm 4.

Điểm công nhận chuyển đổi là điểm ghi trong bảng điểm của học phần tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ thứ nhất. Cụ thể như sau:

- Nếu trên bảng điểm thạc sĩ thứ nhất chỉ ghi điểm theo thang điểm chữ

hoặc thang điểm 4, thì khi chuyển đổi phải chuyển sang thang điểm 10. Điểm được công nhận chuyển đổi là điểm trung bình cộng của cận dưới và cận trên khoảng điểm thang điểm 10.

- Nếu trên bảng điểm cấp theo bằng thạc sĩ thứ nhất chỉ ghi kết quả học tập, không ghi số đơn vị học trình/tín chỉ/số tiết thì muốn được công nhận chuyển đổi kết quả học tập, học viên phải có giấy chứng nhận của cơ sở đào tạo về số đơn vị học trình/tín chỉ /số tiết của từng học phần.

- Trường hợp đặc biệt, Hội đồng công nhận chuyển đổi kết quả học tập sẽ xem xét và trình Hiệu trưởng quyết định.

b) Quy trình công nhận chuyển đổi kết quả học tập

Bước 1: Khoa Sau đại học (SĐH) xem xét các học phần dự kiến được chuyển đổi kết quả học tập;

Bước 2: Khoa SĐH nhận ý kiến phản hồi, đơn đề nghị chuyển đổi kết quả học tập;

Bước 3: Hội đồng xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập;

Bước 4: Hiệu trưởng ký quyết định công nhận chuyển đổi kết quả học tập cho học viên;

Bước 5: Thông báo kết quả chính thức cho học viên.

Bước 6: Nhập điểm chuyển đổi kết quả học tập vào Hệ thống Quản lý đào tạo.

5. Điều kiện, quy trình sinh viên đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại trường.

- Điều kiện: Sinh viên hệ đại học năm thứ 4 (đối với chương trình đào tạo 4 năm), năm thứ 5 (đối với chương trình đào tạo 5 năm) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

- Sinh viên phải làm đơn gửi về khoa SĐH để được cấp mã học viên và cấp tài khoản đăng ký học tích lũy các học phần thạc sĩ.

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học phải thực hiện các quy định của tuyển sinh đầu vào trình độ thạc sĩ.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Nếu người dự tuyển chưa đáp ứng yêu cầu này thì phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Nhà trường tổ chức khi thi tuyển đầu vào.

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Ngành phù hợp được nêu tại khoản 1 Điều này và tại các điều khác của Quy định này là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ. Những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ. Việc hoàn thành bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển thực hiện theo Điều 9 của quy định này. Đối với các ngành quản trị và quản lý, đào tạo theo chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

3. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi có

một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Nhà trường (nếu có).

5. Người dự tuyển đáp ứng những yêu cầu về trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực và kinh nghiệm công tác,... tùy theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển.

6. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

Điều 6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong

trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

g) Thí sinh là nữ giới được xét trúng tuyển trong trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi hoặc kiểm tra quy định tại Điểm b, c Khoản 1, Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Thời gian tuyển sinh

Việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

Điều 8. Phương thức tuyển sinh

1. Tùy theo yêu cầu của từng ngành mà Nhà Trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

2. Việc tuyển sinh được tổ chức trực tiếp hoặc trực tuyến. Đối với hình thức trực tuyến, Nhà trường chỉ tổ chức khi đáp ứng những điều kiện bảo đảm chất lượng để kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

Điều 9. Thông báo tuyển sinh

Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển, bao gồm những thông tin sau:

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển;
2. Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo;
3. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung;
4. Hồ sơ dự tuyển;
5. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh;
6. Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học;
7. Những thông tin cần thiết khác.

Điều 10. Học bổ sung kiến thức

1. Người có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành dự tuyển phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định của Nhà trường.

2. Trên cơ sở đề nghị của khoa SDH phụ trách ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, Hiệu trưởng quyết định học bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp cách nhiều năm hoặc bằng do cơ sở đào tạo khác cấp (nếu thấy cần thiết).

3. Thời gian, kế hoạch tổ chức học bổ sung kiến thức được thể hiện trong Thông báo tuyển sinh của Nhà trường.

Điều 11. Tổ chức tuyển sinh và công nhận học viên

1. Hội đồng tuyển sinh:

a) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.

b) Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: chủ tịch, ủy viên thường trực

và các ủy viên.

c) Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

d) Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Trách nhiệm và quyền hạn của chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh;
- Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch.
- Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm ban thư ký và các tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

2. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các ủy viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển;
- Lập danh sách thí sinh;
- Chuẩn bị các văn bản liên quan đến kì thi cho Hội đồng tuyển sinh;
- Tiếp nhận kết quả đánh giá tuyển sinh, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

3. Tổ chức tuyển sinh

Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch.

4. Công nhận học viên

a) Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Trung tâm tuyển sinh và hợp tác đào tạo gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

b) Sau khi thí sinh nhập học, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận học viên.

Điều 12. Thanh tra, kiểm tra và giám sát và lưu trữ

1) Trong quá trình tổ chức tuyển sinh Trường phải thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và giám sát nội bộ theo quy định hiện hành.

2) Việc lưu trữ phục vụ công tác quản lý, thẩm định, giám sát, thanh tra và kiểm tra; quy định cụ thể trách nhiệm và chế tài xử lý vi phạm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động tổ chức tuyển sinh và công nhận học viên được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 13. Địa điểm tổ chức đào tạo

1. Nhà trường tổ chức đào tạo tại trụ sở của Trường. Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo.

2. Việc tổ chức dạy học được tổ chức bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Đối với dạy học trực tuyến phải thực hiện theo quy định tại Khoản 1 điều 17 của Quy định này.

Điều 14. Giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ

Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành tại Điều 54, Điều 55, Điều 57 và Điều 58 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác

có liên quan.

Điều 15. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học. Một năm học có 02 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho học viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khoá biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khoá biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Điều 16. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Nhà trường thông báo cho học viên dự kiến kế hoạch học tập, thời gian đăng ký học phần.

2. Học viên phải đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

3. Tổng số tín chỉ đăng ký tối đa trong một năm học không quá 45 tín chỉ đối với hình thức chính quy và không quá 30 tín chỉ đối với hình thức vừa làm vừa học.

Điều 17. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Dạy và học trực tuyến:

a) Nhà trường được tổ chức các lớp học trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng chất lượng lớp học trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

b) Đối với đào tạo chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, cơ sở đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trách nhiệm về tổ chức giảng dạy và học tập

a) Việc phân công giảng viên giảng dạy, giảng viên hướng dẫn do Khoa SDH đề xuất;

b) Giảng viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy đảm bảo khối lượng công việc theo đề cương chi tiết học phần; có trách nhiệm đánh giá quá trình học tập của học viên, xét điều kiện dự thi kết thúc học phần. Khoa SDH và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm theo dõi quá trình giảng dạy; phân công coi, chấm thi và phối hợp để tổ chức thi kết thúc các học phần theo kế hoạch được phê duyệt;

c) Học viên phải tham gia các học phần đã đăng ký theo quy định;

d) Trước khi kết thúc học phần, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, các điều kiện hỗ trợ phục vụ học tập của học phần.

Điều 18. Đánh giá học phần

1. Cách đánh giá, tính điểm học phần được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

2. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trừ luận văn và học phần tốt nghiệp thực hiện

theo quy định tại Điều 21 và Điều 23 của Quy chế này.

3. Kết quả các học phần trong chương trình đào tạo chỉ được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá từ mức C trở lên.

4. Học viên muốn học lại, thi lại hoặc thi lần 2 để cải thiện điểm phải có đơn đăng ký và đóng lệ phí theo quy định. Kết quả thi lần 2 được tính là kết quả thi kết thúc học phần chính thức. Không tổ chức thi lại lần 3.

Điều 19. Yêu cầu đối với luận văn

1. Học viên theo học chương trình định hướng nghiên cứu phải thực hiện một đề tài nghiên cứu có khối lượng từ 12 đến 15 tín chỉ, kết quả được thể hiện bằng luận văn. Học viên thực hiện luận văn trong thời gian ít nhất 06 tháng tính từ thời điểm nhận quyết định giao đề tài và người hướng dẫn mới đủ điều kiện bảo vệ luận văn.

2. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của Nhà trường.

3. Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Kết quả nghiên cứu phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Tuân thủ quy định của nhà trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Tuân thủ các quy định và hướng dẫn cụ thể về nội dung chuyên môn, cấu trúc, hình thức theo hướng dẫn của Nhà trường;

e) Việc thực hiện luận văn tuân thủ Quy định về quy trình, thủ tục thực hiện luận văn thạc sĩ của Nhà trường.

Điều 20. Người hướng dẫn luận văn

1. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn

- a) Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp hoặc gần với ngành đào tạo và hướng nghiên cứu đề tài luận văn của học viên;
- b) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;
- c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn;
- d) Đáp ứng những yêu cầu khác theo chuẩn chương trình đào tạo của ngành, lĩnh vực đào tạo và quy định của Nhà trường.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của người hướng dẫn luận văn

- a) Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện học phần tốt nghiệp của chương trình định hướng ứng dụng); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên;
- b) Người hướng dẫn có trách nhiệm hướng dẫn học viên thực hiện luận văn và phê duyệt luận văn của học viên khi nộp thảo luận, bảo vệ;
- c) Trong quá trình hướng dẫn học viên, người hướng dẫn có quyền đề xuất với cơ sở đào tạo những thay đổi liên quan đến quá trình thực hiện luận văn của học viên, bao gồm việc thay đổi hoặc điều chỉnh tên đề tài, được quyền từ chối tiếp tục hướng dẫn học viên khi học viên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong quá trình nghiên cứu, thực hiện luận văn;
- d) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo các quy định hiện hành của Nhà trường.

Điều 21. Đánh giá luận văn

1. Điều kiện để học viên được bảo vệ luận văn

- a) Học viên hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo.

b) Có các công bố khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, hoặc có xác nhận về đề tài nghiên cứu được chuyển giao, triển khai kết quả. Nếu không có các công bố nêu trên thì phải có ít nhất 01 bài báo đăng trên Website của Trường.

c) Nộp đủ Hồ sơ bảo vệ theo quy định.

2. Hội đồng đánh giá luận văn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Hội đồng có ít nhất 05 thành viên, bao gồm chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác; trong đó ít nhất 01 ủy viên phản biện là người ngoài cơ sở đào tạo;

b) Tiêu chuẩn các thành viên hội đồng phải đáp ứng tiêu chuẩn như người hướng dẫn luận văn quy định tại khoản 1 Điều 20 của Quy định này; trong đó chủ tịch phải là giảng viên cơ hữu hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của nhà trường;

c) Người hướng dẫn có thể tham gia hội đồng với tư cách là ủy viên nhưng không được cho điểm đánh giá; cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của học viên không tham gia hội đồng.

3. Tổ chức đánh giá và công bố luận văn

a) Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng;

b) Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng;

c) Buổi bảo vệ luận văn được tổ chức khi ít nhất 2 phần 3 tổng số thành viên hội đồng đánh giá có mặt, trong đó có chủ tịch, thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại Nhà trường. Trong trường hợp có lý do khách quan, Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều này và

thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng;

d) Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm;

e) Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận văn lần thứ ba. Quy trình, thủ tục tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ 2 thực hiện như bảo vệ lần thứ nhất. Kinh phí tổ chức hội đồng đánh giá luận văn lần thứ hai do học viên tự chi trả;

f) Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn luận văn (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp và lưu trữ tại thư viện của Nhà trường; được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trong thời gian ít nhất 30 ngày.

Điều 22. Thẩm định luận văn

1. Thành lập Hội đồng thẩm định

a) Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Hiệu trưởng quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng luận văn;

b) Hội đồng thẩm định luận văn có thành phần, tiêu chuẩn như hội đồng đánh giá luận văn; các thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham gia

hội đồng thẩm định.

2. Tổ chức thẩm định luận văn

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các điểm b, d khoản 3 Điều 21 của Quy định này;

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được Nhà trường thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 21 Quy định này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo thì học

viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Việc tổ chức đánh giá luận văn tại Khoản 3 Điều 21 của Quy định này.

Điều 23. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định học phần tốt nghiệp chương trình định hướng ứng dụng

1. Học viên theo học chương trình định hướng ứng dụng phải thực hiện một học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đồ án hoặc dự án (sau đây gọi chung là đề án). Học viên thực hiện đề án trong thời gian ít nhất 03 tháng tính từ thời điểm nhận quyết định mới được phép bảo vệ.

2. Báo cáo được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo qui định của Nhà nước.

3. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Kết quả nghiên cứu phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Tuân thủ quy định của nhà trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ,

d) Tuân thủ các quy định và hướng dẫn cụ thể về nội dung chuyên môn, cấu trúc, hình thức theo hướng dẫn của Nhà trường.

4. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện luận văn của chương trình định hướng nghiên cứu); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học

viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên;

a) Người hướng dẫn có trách nhiệm hướng dẫn học viên thực hiện phần tốt nghiệp và phê duyệt trước khi học viên nộp kết quả báo cáo học phần tốt nghiệp;

b) Trong quá trình hướng dẫn học viên, người hướng dẫn có quyền đề xuất với cơ sở đào tạo những thay đổi liên quan đến quá trình thực hiện đề án tốt nghiệp, được quyền từ chối tiếp tục hướng dẫn học viên khi học viên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ học viên;

c) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo các quy định hiện hành của Nhà trường.

5. Hội đồng đánh giá đề án

a) Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện đề án có ít nhất 03 thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện. Trường hợp hội đồng có hơn 03 thành viên, người hướng dẫn có thể tham gia hội đồng với tư cách là ủy viên, nhưng không được cho điểm đánh giá;

b) Buổi bảo vệ chỉ tổ chức khi hội đồng đánh giá có mặt chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại Nhà trường;

c) Trong trường hợp đề án không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung đề án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá đề án lần thứ ba;

d) Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn báo cáo đề án (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp và lưu trữ tại thư viện của Nhà trường; được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường trong thời gian ít nhất 30 ngày.

6. Thẩm định đề án tốt nghiệp

a) Thành lập Hội đồng thẩm định

- Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Hiệu trưởng quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng đề án tốt nghiệp.

- Hội đồng thẩm định đề án có thành phần, tiêu chuẩn như hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp; các thành viên hội đồng đánh giá đề án không tham gia hội đồng thẩm định.

b) Tổ chức thẩm định đề án

- Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của đề án, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của đề án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một đề án tốt nghiệp thạc sĩ ứng dụng;

- Việc thẩm định đề án được thực hiện theo quy định tại khoản 5 của Điều này;

- Tác giả đề án, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá đề án không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được cơ sở đào tạo thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

c) Xử lý kết quả thẩm định đề án không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận đề án không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp đề án không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

- Trường hợp chưa bảo vệ lại đề án, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại đề án trước hội đồng thẩm định theo quy định tại khoản 5 của Điều này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

- Trường hợp đã bảo vệ lại đề án hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục

nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì hiệu trưởng giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Việc tổ chức đánh giá đề án theo các quy định tại khoản 5 của Điều này.

Điều 24. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

1. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương **Bậc 4** theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Hiệu trưởng tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

3. Hiệu trưởng tổ chức cấp bằng thạc sĩ cho học viên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp.

4. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó phụ lục văn bằng ghi rõ chương trình định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.

5. Đối với các học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học

tập quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này, Hiệu trưởng cấp chứng nhận kết quả các học phần học viên đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

6. Cách tính điểm trung bình toàn khóa và quy trình xét và công nhận tốt nghiệp

a) Điểm trung bình toàn khóa của học viên là điểm trung bình tích lũy của tất cả các học phần bao gồm cả đề án/luận văn trong chương trình đào tạo mà học viên đã hoàn thành. Cách tính điểm trung bình toàn khóa được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

- Theo điểm hệ 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

- Theo điểm hệ chữ:

A+: Xuất sắc;

Từ B+ đến A: Giỏi;

B: Khá;

Từ D+ đến C+: Trung bình;

D: Yếu;

Dưới F: Kém.

- Theo điểm hệ 4:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

b) Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp:

- Bước 1: Khoa SDH tập hợp Danh sách đề nghị xét tốt nghiệp cho HV đã đủ điều kiện tốt nghiệp gửi Phòng Đào tạo
- Bước 2: Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt Hội đồng xét tốt nghiệp
- Bước 3: Hội đồng họp xét tốt nghiệp
- Bước 4: Căn cứ vào biên bản cuộc họp xét tốt nghiệp, Phòng Đào tạo làm quyết định công nhận tốt nghiệp và trình Hiệu trưởng phê duyệt công nhận.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI HỌC VIÊN

Điều 25. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy

định này.

3. Để được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập theo các điểm a,b,c của Khoản 1 điều này, học viên phải nộp đơn kèm theo các minh chứng.

4. Học viên muốn thôi học phải có đơn trình bày lý do. Học viên được Nhà trường quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp học viên đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

5. Quy trình, thủ tục xét cho học viên được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập, cho thôi học thực hiện theo Quy định quản lý học viên, nghiên cứu sinh của Nhà trường.

Điều 26. Chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chương trình đào tạo

1. Học viên được xét chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến Trường ĐHSP Nghệ thuật TW nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo xin chuyển đến.
- b) Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.
- c) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Nhà trường được phép nhận học viên chuyển từ cơ sở đào tạo khác đến khi có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3. Học viên muốn chuyển từ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW sang cơ sở đào tạo khác phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng Nhà trường.

4. Học viên được chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Chuyển chương trình đào tạo chỉ được áp dụng đối với học viên chuyển đổi chương trình đào tạo trong phạm vi các chương trình đào tạo tại Trường

ĐHSP Nghệ thuật TW

b) Được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo.

c) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chương trình đào tạo phải bảo đảm quy định tại Điều 4 Quy định này.

3. Điều kiện, quy trình và thủ tục chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo

a) Học viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu khác của Nhà trường (hoặc từ phân hiệu về trụ sở chính nếu có) khi có đủ các điều kiện sau:

- Không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định;

- Học viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, của phân hiệu (hoặc trụ sở chính) trong cùng khóa tuyển sinh;

- Cơ sở đào tạo, phân hiệu (hoặc trụ sở chính) có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng cơ sở đào tạo.

b) Học viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

- Không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

- Học viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo

cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

- Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Được sự đồng ý của Hiệu trưởng Nhà trường và Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

c) Các trường hợp cụ thể do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 27. Trao đổi học viên và hợp tác trong đào tạo

1. Nhà trường được trao đổi học viên với cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài theo yêu cầu sau:

a) Cơ sở đào tạo trong nước phải được phép đào tạo cùng ngành ở trình độ thạc sĩ;

b) Cơ sở đào tạo ở nước ngoài phải là cơ sở giáo dục đại học, được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục nước sở tại công nhận về chất lượng, cho phép đào tạo và cấp bằng thạc sĩ trong nhóm ngành tương ứng.

2. Nguyên tắc thực hiện trao đổi học viên:

a) Hiệu trưởng hai cơ sở đào tạo đồng ý;

b) Số lượng tín chỉ học viên theo học ở cơ sở đào tạo phối hợp được công nhận không quá 25% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo học viên đang theo học và bảo đảm quy định tại Điều 4 Quy định này.

3. Điều kiện, quy trình thực hiện trao đổi học viên

a) Điều kiện trao đổi

Học viên đi trao đổi phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có một số học phần, môn học trong chương trình trao đổi học tập phù hợp với chương trình đào tạo tương ứng của nhà trường và được Lãnh đạo khoa xác nhận khả năng công nhận, chuyển đổi tín chỉ;

- Có đủ điều kiện tài chính để thực hiện chương trình trao đổi học tập đối

với các trường hợp phải tự túc một phần hoặc toàn bộ kinh phí;

- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí và các khoản phí khác;
- Không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm đăng ký đi trao đổi học tập.

b) Quy trình, thủ tục đi học tập trao đổi ở nước ngoài

Học viên đáp ứng các điều kiện đi học tập trao đổi nước ngoài thực hiện các bước sau:

Bước 1: Học viên nộp hồ sơ xin đi học tập trao đổi cho phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế;

Bước 2: Phòng NCKH&HTQT chuyển Lãnh đạo khoa xử lý hồ sơ của học viên, xem xét các điều kiện đi học tập trao đổi, đánh giá và xếp hạng hồ sơ của học viên, làm Tờ trình Ban Giám hiệu (BGH) phê duyệt về nguyên tắc;

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, BGH cho ý kiến (chấp thuận, không chấp thuận, đề nghị bổ sung, sửa đổi) và chuyển Phòng NCKH&HTQT xử lý các công việc tiếp theo;

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Phòng NCKH&HTQT có trách nhiệm:

- Căn cứ ý kiến của BGH tại Tờ trình của khoa, thông báo kết quả cho học viên.
- Học viên gửi xác nhận tham dự hoặc không tham dự chương trình.
- Phòng NCKH&HTQT gửi danh sách đề cử sang trường đối tác; căn cứ kết quả lựa chọn của trường đối tác, Phòng NCKH&HTQT soạn quyết định cử học viên đi học tập trao đổi nước ngoài, trình BGH ký ban hành.
- Trình BGH ký thỏa thuận học tập theo quy trình được thống nhất giữa hai Bên.

c) Quy trình, thủ tục đi học tập trao đổi trong nước

Học viên đáp ứng các điều kiện đi học tập trao đổi trong nước thực hiện các bước sau:

Bước 1: Học viên nộp hồ sơ xin đi học tập trao đổi cho khoa Sau đại học;

Bước 2: Khoa Sau đại học xem xét các điều kiện đi học tập trao đổi, đánh giá và xếp hạng hồ sơ của học viên, làm Tờ trình Ban Giám hiệu (BGH) phê duyệt về nguyên tắc.

Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, BGH cho ý kiến (chấp thuận, không chấp thuận, đề nghị bổ sung, sửa đổi) và chuyển khoa Sau đại học xử lý các công việc tiếp theo.

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, khoa Sau đại học có trách nhiệm:

- Căn cứ ý kiến của BGH tại Tờ trình của khoa, thông báo kết quả cho học viên.
- Học viên gửi xác nhận tham dự hoặc không tham dự chương trình.
- Khoa Sau đại học gửi danh sách đề cử sang trường đối tác; căn cứ kết quả lựa chọn của trường đối tác, khoa Sau đại học soạn quyết định cử học viên đi học tập trao đổi nước ngoài, trình BGH ký ban hành.
- Trình BGH ký thỏa thuận học tập theo quy trình được thống nhất giữa hai Bên.

d) Các quy định về công nhận tín chỉ học viên đã tích lũy khi thực hiện chương trình đào tạo học ở cơ sở đào tạo phối hợp và các quy định khác sẽ được nêu cụ thể trong Bản thỏa thuận hợp tác giữa 2 bên.

Điều 28. Xử lý vi phạm đối với học viên

1. Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.
2. Học viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
3. Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, đề án hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;

b) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, đề án và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu;

c) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn, đề án.

4. Xử lý vi phạm đối với học viên thực hiện theo Quy định về quản lý học viên, NCS của Trường.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo cho phù hợp với điều kiện thực tế theo kế hoạch. Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Hiệu trưởng chỉ đạo việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của cơ sở đào tạo và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh và đào tạo; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

3. Nhà trường có trách nhiệm: Phổ biến, hướng dẫn cho ứng viên dự tuyển các quy định liên quan đến chính sách tuyển sinh của Nhà trường. Phổ biến, hướng dẫn cho học viên quy chế và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của học viên khi bắt đầu khóa học.

4. Ngoài những quy định trên, các trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 30. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Việc lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Nhà trường có trách nhiệm hoàn thiện cơ sở dữ liệu tại Trường và cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu về đào tạo thạc sĩ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học; xuất dữ liệu tổng hợp báo cáo từ hệ thống, ký xác nhận của nhà trường và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Nhà trường công khai trên trang thông tin điện tử Trường các thông tin sau cho từng chương trình đào tạo:

- a) Giới thiệu khái quát về chương trình đào tạo;
- b) Thời gian, địa điểm và hình thức đào tạo;
- c) Yêu cầu đầu vào và thông tin tuyển sinh;
- d) Cấu trúc chương trình (kèm theo số tín chỉ cho mỗi học phần, luận văn, đề án, chuyên đề nghiên cứu);
- đ) Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn luận văn, đề án;
- e) Học tập và kiểm tra đánh giá;
- g) Chuẩn đầu ra, cơ hội việc làm;
- h) Học phí và học bổng (nếu có);
- i) Các thông tin khác mà ứng viên và học viên cần biết về chương trình đào tạo.

4. Nhà trường công khai trên trang thông tin điện tử của Trường trước khi tổ chức tuyển sinh và đào tạo:

- a) Quy chế của cơ sở đào tạo, các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng thạc sĩ;
- b) Các quyết định mở ngành đào tạo;
- c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ

Giáo dục và Đào tạo và các thông tin khác theo quy định.

5. Nhà trường thường xuyên cập nhật thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của Trường:

a) Thống kê số lượng học viên trúng tuyển, đang học, thôi học và tốt nghiệp theo từng khóa, từng ngành, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu của từng lớp học; tên đề tài và tóm tắt nội dung các luận văn, đề án có thông tin học viên, người hướng dẫn và ngày bảo vệ luận văn, đề án (Trừ các đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước). 



PHỤ LỤC

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga		ТРКИ-1	ТРКИ-2